**Tiết 47; 48**

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**Thời gian thực hiện :02 tiết**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Về kiến thức:**Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Ôn tập cho HS các kiến thức đã học về các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa trong tập hợp số tự nhiên.

- Ôn tập cho HS các kiến thức đã học về tính chất chia hết của một tổng, các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9. Số nguyên tố và hợp số, ƯC và BC, ƯCLN và BCNN.

**2. Về năng lực**

**Năng lực chung:** Năng lực mô hình hóa toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng được phép chia hết hai số nguyên để giải quyết một số bài toán thực tiễn.

- Vận dụng đượcc phép cộng các số nguyên để giải quyết một số bài toán thực tiễn.

**3. Về phẩm chất**

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

- Chăm chỉ tích cực xây dựng bài, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

- Hình thành tư duy logic, lập luận chặt chẽ, và linh hoạt trong quá trình suy nghĩ.

HSKT: Biết thứ tự trong tập N, Z; biểu diễn số nguyên trên trục số; so sánh hai số nguyên. Biết cách tìm ước chung, ước chung lớn nhất, bội chung, bội chung nhỏ nhất của một số tự nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT.

**2 - HS** : SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập, bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**

- HS hệ thống lại các kiến thức của học kì I qua các bài tập trắc nghiệm.

**b) Nội dung:** HS thực hiện các yêu cầu dưới sự hướng dẫn của GV.

**c) Sản phẩm:** HS đưa ra câu trả lời.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

HS hoàn thiện các bài tập trắc nghiệm sau để hệ thống các kiến thức đã học

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, chia thành 3 đội thi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS các đội sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

**Câu 1**: Tập hợp số nguyên bao gồm các bộ phận:

1. Số nguyên âm và số nguyên dương
2. Số tự nhiên và số 0
3. Số tự nhiên và số nguyên dương
4. Số tự nhiên và số nguyên âm

( HS nêu 1 cách chia khác: Số nguyên âm, số 0, số nguyên dương)

**Câu 2**: Chỉ ra công thức sai:

A.am. an = am+n B.an= a.n C. am: an= am-n (mn) D. an = a.a…..a (n thừa số a)

**Câu 3**: Biểu thức a.b – c.a =

A.b(a-c) B.c(b-a) C. a(b+c) D. a(b-c)

HS: Nêu các tính chất khác của phép cộng, phép nhân số tự nhiên( giao hoán, kết hợp)

**Câu 4**: Nếu a  m, b  m thì:

A.a+b  m B. a - b  m C. a.b  m

(HS nêu lại dấu hiệu chia hết của tổng, hiệu, tích)

**Câu 5**: Điền vào chỗ trống:

Số nguyên tố là số…. , chỉ có ……là… và …..

Hợp số là số…….., có ………

Nếu a  m, b  m thì m là ..... của a và b

Nếu m a và m  b thì m là …..của a và b

**Câu 6 : Các câu sau Đ/ S :**

Tổng của hai số nguyên âm là một số nguyên âm

Tổng của hai số nguyên khác dấu là một số nguyên âm

Tích của hai số nguyên âm là số nguyên âm

Hai số nguyên đối nhau có tổng bằng 0

( HS nêu các quy tắc cộng, trừ, nhân hai số nguyên)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, và tổn hợp lại các kiến thức trọng tâm.

**B.** **ÔN TẬP**

**Hoạt động 1: Thực hiện phép tính(tính nhanh nếu có thể)**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng thứ tự thực hiện phép tính và các tính chất để tính.

**b) Nội dung:**

HS quan sát và thảo luận nhóm đưa ra kết quả phép tính.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, vận dụng tính hợp lý.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn, yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành **dạng toán 1.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận, trao đổi và hoàn thành các yêu cầu.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát, nhận xét quá trình hoạt động của các HS, cho HS nhắc lại các tính chất của phép toán đã sử dụng.  => G/v cho điểm thường xuyên | **Dạng 1 Tính**  a/ 204 – 84 : 12 = 204-7 = 197.  b/ 15 . 23 + 4 . 33 - 5 . 7 = 15 . 8 + 4 . 9 – 5 . 7 = 120 + 36 – 35 = 121.  c/ 56 : 53 + 23 . 22 = 53 + 25  = 125 + 32 = 157  d/ 164 . 53 + 47. 164 = 164.(53+47) = 164 . 100 = 16400  e/ ( -123) + 345 + 23 +(-45)  = [(-123)+23]+[345 + (-45)]  = (-100) + 300= 200 |

**Hoạt động 2: Tìm số tự nhiên x**

**a) Mục tiêu:**

- Hiểu quy tắc phép toán , vận dụng linh hoạt trong bài toán tìm x

**b) Nội dung:** HS quan sát để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi hoàn thành **dạng toán 2:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm trong bài toán tìm x :   * Xác định đúng thành phần chưa biết * Vận dụng đúng cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính * Tính toán chính xác, trình bày đúng   => G/v cho điểm thường xuyên | **Dạng 2 Tìm số tự nhiên x:**  a/ 219 - 7. (x+1) = 100  7.(x+1) = 219 - 100  7.(x+1) = 119  x+1 = 119:7  x+1 = 17  x = 17-1  x = 16  b/ (3x - 6) . 3 = 34  3x - 6 = 34:3  3x - 6 = 27  3x = 27+6  3x = 33  x = 33:3  x = 11 |

**Hoạt động 3: Tính chất chia hết của một tổng, hiệu, tích**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng các tính chất chia hết để xác định T/c chia hết của một biểu thức

**b) Nội dung:** HS quan sát để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành **dạng toán 3:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức về t/c chia hết của một tổng, hiệu, tích  => G/v cho điểm thường xuyên | **Dạng 3:** Không tính, xét xem tổng (hiệu) sau có chia hết cho 6 không?  a/ 30 + 42 + 19  6 vì 30  6, 42 6,  19  6  b/ 60 – 36  6 vì 60 6, 36 6  c/ 18 + 11 + 1  6 vì 186, (11+1) 6  d) 3.4.5 + 12  6 vì 3.4  6, 126 |

**Hoạt động 4 : Quan hệ chia hết**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng quan hệ chia hết để tìm x

**b) Nội dung:**

HS quan sát để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS chia sẻ cặp đôi hoàn thành **dạng toán 4:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động cặp đôi, kiểm tra chéo đáp án.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS giơ tay phát biểu, lên bảng trình bày  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở.  => G/v cho điểm thường xuyên | **Dạng 4: Quan hệ chia hết**  a/ Vì: 84  x ; 180  x và x > 6  Nên x  ƯC(84; 180)  84 = 22 . 3 .7  180 = 22 32 . 5  ƯCLN(84; 180) = 22 . 3 = 12  ƯC(84; 180) = {1;2;3;4;6;12}  Vì: x > 6 nên: x = 12  Vậy: A = {12}  b/ Vì: x  12; x  15; x  18  và 0 < x < 300  Nên: x  BC(12; 15; 18)  12 = 22 . 3  15 = 3 . 5  18 = 2. 32  BCNN(12; 15; 18) = 22 . 32 . 5  = 180  BC(12;15; 18) ={0; 180; 360;..}  Vì: 0 < x < 300  Nên: x = 180  Vậy: B = {180} |

**Hoạt động 5 : Bài toán thực tế**

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng quan hệ chia hết để giải bài toán có nội dung thực tế

**b) Nội dung:**

HS quan sát để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm **dạng toán 5:** Một số sách xếp thành từng bó 10, 12 , 15 quyển đều vừa đủ bó, tìm số sách biết số sách trong khoảng từ 100 đến 150 quyển  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS toán tắt bài toán- HS chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức, hoàn thành các yêu cầu, hoạt động nhóm.  - GV: quan sát và trợ giúp HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS đại diện nhóm lên bảng trình bày  - Một số HS nhóm khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại các bước giải bài toán  => G/v cho điểm thường xuyên | **Dạng 5: Bài toán thực tế**  **Bài 1:**  Số sách cần tìm là x ( x Vì số sách xếp thành từng bó 10,12,15 đều vừa đủ nên x  10; 12; 15=> x  10 = 2 . 5  12 = 22 . 3  15 = 3 . 5  BCNN(10; 12;15) = 22.3.5 = 60  BC(10; 12; 15) = {0; 60; 120; 180; 240; ....}  Vì: Số sách trong khoảng từ 100 đến 150.   * x = 120   Vậy số sách cần tìm là 120 quyển. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bài tập:** Điền ký hiệu ;  vào ô trống.

a/ 747  P; 235  P; 97  P

b/ a = 835 . 123 + 318; a  P

c/ b = 5.7.11 + 13.17; b  P

d/ c = 2. 5. 6 – 2. 29 ; c  P

Giải thích vì sao ?

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*Một nhóm HS gồm 48 nam và 72 nữ chia đều số nam và nữ vào các tổ, thì số tổ chia được nhiều nhất là bao nhiêu? Khi đó số nam mỗi tổ? số nữ mỗi tổ?*

**Kết quả :**

Goi số tổ chia được nhiều nhất là x ( x)

Vì số nam, nữ chia đều vào các tổ => 48 x , 72x và x là số tổ nhiều nhất

* x= ƯCLN ( 48 , 72).

48 = 24 . 3

72 = 23 . 32

ƯCLN(48, 72) = 24 => x = 24

Có thể chia nhiều nhất là 24 tổ.

b/ Khi đó: Số nam mỗi tổ là

48 : 24 = 2(người)

Số nữ mỗi tổ là:

72 : 24 = 3(người)

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn và ghi nhớ lại các kiến thức đã học

- Xem lại các bài tập đã chữa, chuẩn bị kiểm tra cuối học kì I